

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị S, sinh năm 1979; thường trú: Số 50, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Th thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1971; thường trú: Số N16, P6, Đường 30/4, phường H, quận N, thành phố C; tạm trú: Tổ 27, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-02-2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố

C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số QL85, quyển số 01, ngày 10/6/2003. Chị S xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Chị S đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Cảnh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Khánh Ng, sinh ngày 24/02/2010. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Cảnh T đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Đinh Thị S: Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số QL85, quyển số 01, ngày 10/6/2003 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị S xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Quá trình giải quyết vụ án anh T được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Khánh Ng, sinh ngày 24/02/2010. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Cả hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T có việc làm và thu nhập, có thời gian chăm sóc các con nên đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Cảnh T hiện đang sinh sống và tạm trú tại tổ 27, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 17/7/2020 và ngày 06/8/2020 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số QL85, quyển số 01, ngày 10/6/2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị S xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm và chia sẻ lẫn nhau. Chị S đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng đã phát sinh trong một thời gian dài không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án chị S và anh T không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị S xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Anh T đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị S yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Khánh Ng, sinh ngày 24/02/2010. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho ba hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L và cháu Ng từ trước đến nay đều sống cùng mẹ được đi học và phát triển tốt. Chị S có việc làm, có thu nhập ổn định, có thời gian đảm bảo tốt cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Anh T được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập. Vì vậy, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị S đối với anh Nguyễn Cảnh T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Cảnh T. (Giấy chứng nhận kết hôn số QL85, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố C cấp ngày 10/6/2003).

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 10/6/2004 và Nguyễn Thị Khánh Ng, sinh ngày 24/02/2010 cho chị Đinh Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, chị S và anh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị S nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đinh Thị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040167, ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường H, quận N, thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân